

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 22

PHẨM 22: ĐỨC VƯƠNG (PHẦN 4 - CUỐI)

Từ câu “Lại nữa v.v...” trở xuống là nói về biết rõ Túc mạng. Văn kinh có hai: Một, là chánh thức nói về Túc mạng.

Kế là, nghĩ nhớ quá khứ, phân biệt khác lạ y cứ theo trước có thể biết; ở đây lược không nói đủ.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là đoạn ba, giải thích lại về Tha tâm thông. Văn có hai: một, là ngang thì biết sáu đường; hai là dọc thì biết mười sáu tâm.

Nói mười sáu tâm là thuận theo nghĩa của Số Luận. Luận rằng vô lượng tâm của kiến đạo rất nhạy bén nên gọi là tâm Vô gián.

Luận Thành Thật ghi: “Hàng Thanh văn muốn biết tâm thứ ba đến tâm thứ mười sáu. Duyên giác muốn biết tâm thứ ba đến tâm thứ thứ bảy, chỉ có Bồ-tát biết rõ tất cả”.

Hàng Tiểu thừa độn căn cho nên muốn biết từ tâm thứ ba trở đi, đồng thời muốn biết các tâm sau, lại so sánh muốn biết đến tâm thứ sáu. Hàng Trung thừa căn tánh khá nhạy bén, muốn biết tâm thứ ba đến tâm thứ bảy. Bồ-tát chẳng phải như thế, đều biết tất cả không một tâm nào chẳng biết. Đây là nghĩa chung của ba Thừa, lại có ba người chẳng đồng mà đồng. Mười sáu tâm này chẳng phải là ý kinh ở đây. Trước biết sáu đường là biết có ngần mé, kế là biết mười sáu tâm là biết không có, dùng thể Trung đạo chẳng phải có chẳng phải không để biết được có và không.

Từ câu “Này thiện nam!” trở xuống là nói về công đức thứ ba. Xưa cho rằng trong văn này nói về Từ, thành nghĩa của phẩm Phạm hạnh ở trên. Văn có hai là nêu lên và giải thích.

Trong phần giải thích, trước là giải thích, sau là kết luận. Nội dung phần giải thích rằng trong công đức này lẽ ra nêu đầy đủ bốn tâm nhưng chỉ nói về tâm Từ, vì: một, chỉ có văn lược thì nghĩa sẽ đầy đủ; hai, cho

là gốc của tất cả pháp thiện, vì sao chẳng được nêu? Tức ba tâm này bỏ sự thiên lệch mà nêu sự viên mãn, nêu một biết ba, nêu lược chẳng nói đến. Giải thích văn có hai ý:

1. Nêu hai chương xả và đắc.

2. Giải thích.

Giải thích, trước là nêu câu hỏi; sau là giải thích.

Giải thích có năm phen: Một, là y cứ hai đế.

Hai, là y cứ phạm Thánh.

Ba, là y cứ Xiển-đề đối với Như Lai là một cặp thiện ác.

Bốn, là y cứ theo kẻ thấp hèn đối với Bồ-tát, là một cặp hơn kém.

Năm, là nói về không chấp đắm.

Kết luận như văn kinh ghi.

Kế là nói về công đức thứ tư. Văn có hai đoạn là nêu công đức và luận nghĩa. Kế có bốn: Hỏi, nêu chương môn, giải thích và kết luận.

Dung Thành cho rằng hai việc trước thuộc về các giai vị trước Thập địa; tám việc tu sau phải phối hợp với Bát địa. Trước nói căn sâu tức là Tánh địa cũng là Sinh không. Tâm quyết định vào sơ y cũng là pháp không. Tám việc sau, đầu tiên là nói chẳng quán ruộng phước tức Sơ địa viên mãn Đản độ. Đến thứ mười là dứt trừ hai bên tức Bát địa.

Nghĩa trên chẳng đúng, ở đây đều là công đức chân chứng.

Từ câu “Thế nào là căn sâu v.v...” trở xuống là đoạn ba, giải thích. Trong đó có thứ năm, thứ sáu hợp thành một đoạn giải thích. Việc thứ nhất, văn có ba ý: hỏi nêu, giải thích và kết luận.

Trong việc đầu tiên có đủ năm nghĩa:

1. Căn bản.

2. Căn sâu.

3. Căn rộng.

4. Căn tăng tướng.

5. Căn thù thắng.

Nói chẳng buông lung tức là căn bản.

Nếu nói chung về hành thiện thì tất cả đều chẳng buông lung. Nhưng nếu nói chỉ lấy việc đầu tiên là xem xét tâm chẳng làm buông lung. Đây đủ hai ý này, tức là căn bản.

Kế là nói Vô thượng Bồ-đề, tức là nói căn sâu.

Sâu tận cùng thật tướng, đạt đến bờ mé tức chân, đó là gốc Bồ-đề nên nói sâu.

Kế là nói gốc thiện của chư Phật đều chẳng buông lung tức là nói

căn rộng.

Nói vì làm cho thêm lớn tức là nói căn thêm lớn.

“Hơn hết trong các điều thiện” tức là căn cao quý.

Nêu mười ba dụ, dụ cho tướng cao quý của pháp chẳng buông lung.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là nêu mười căn để giải thích lại về thêm lớn.

Đây đủ mười nghĩa thì sâu, bền chắc khó lay động.

Nói thêm rằng thêm lớn, cao quý đã dùng nhiều nghĩa để giải thích, nghiệm biết ba việc kia cũng như thế, trừ căn thêm lớn đã nêu, các căn còn lại cũng có mười nghĩa, mười ba cặp dụ.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là chương hai, văn có ba: Hỏi, giải thích và kết luận.

Hỏi: như văn kinh có nói.

Giải thích có hai: Một, là thân quyết định; hai, là tâm quyết định.

Quán thân là có tức là vật sinh tử, quán thân là không tức là pháp khí Niết-bàn. Nay quán thân chẳng phải có chẳng phải không tức là chính thức hiển bày Trung đạo, là pháp khí Vô thượng Bồ-đề đó gọi là thân quyết định.

Kế là tâm cũng giống như thế, nếu tâm nhỏ hẹp là tâm tự vì mình, nói biến dị tức là gồm hai nghĩa:

1. Nếu nói theo tu nhân thì sinh diệt vô thường là biến dị.

2. Nếu nói theo chịu quả thì sinh tử biến dị là biến dị. Thanh văn, Bích-chi-Phật từ người mà nêu tâm, đó là vô vi, tâm ma tức ma trời, tâm tự vui thì chung cho các vị trời; tâm thích sinh tử chung cho ba cõi. Ba tâm này thuộc về hữu biên không quyết định. Cầu tâm từ là tâm từ vô duyên; cầu tâm bi là tâm bi bạt hữu. Đó mới là tâm quyết định.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là giải thích chương ba, văn gồm có hỏi, giải thích và kết luận.

Trong phẩm Tứ Y nói: “Phò trì Phật pháp phải phân biệt trì phạm”.

Còn ở đây vì tự tu nên dùng bình đẳng. Vả lại trước là khuyên hàng xuất gia vâng giữ giới hạnh; còn ở đây khuyên người tại gia phải quên tướng bố thí. Nói niệm xứ khác lạ là khác hai bên, là chánh quán Trung đạo. Ngoại đạo giữ giới, chẳng những là giữ giới mà còn được định cõi trên. Như văn kinh sau có ghi: “Ngoại đạo dứt kết sử còn hơn cả Tỳ-kheo giữ giới”. Vì Tỳ-kheo giữ giới chỉ hàng phục pháp ác cõi Dục, do đó so sánh mà nói là hơn.

Bốn loại thí đều được quả báo thanh tịnh, tức là không bố thí, không có quả báo tức là quả báo thanh tịnh.

Từ câu “Thế nào là v.v...” trở xuống là giải thích chương bốn, văn có ba: Hỏi, giải thích và kết luận.

Nêu câu hỏi như văn kinh có ghi.

Trong phần giải thích chỉ nói nghiệp Tịnh độ, lấy Bồ-đề làm gốc. Ở đây nêu mười điều thiện, chẳng phải chỉ riêng mười điều thiện mà phải hòa hợp với tâm Bồ-đề mà tu hành. Ví như ở trên đáp câu hỏi vô úy, nhưng mười điều thiện là nói nhân tương tự được quả tương tự. Như nói lìa bỏ nói dối được hoa quả, nghĩa là nói rằng vọng thì không thật, như hoa không kết trái. Nay chẳng nói dối thì có quả báo chân thật, khi chịu báo thì cảm được hoa quả tốt đẹp.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là hợp giải thích hai chương thứ năm và thứ sáu. Ý nghĩa liên quan nhau nên hợp thành một để giải thích. Có hai cách giải khác nhau:

1. Cho rằng trong đây phần khai chương nói về ba loại hữu dư, hai việc đầu là giải thích chương năm, dứt trừ hữu dư, một việc sau giải thích chương sáu, dứt trừ nghiệp duyên.

2. Nói phiền não dư báo là giải thích dứt trừ hữu dư, nói dư nghiệp là giải thích trừ nghiệp duyên ở đoạn trên, còn lại một việc chỉ là nêu ra.

Văn có ba đoạn: một, là nêu chương ba; hai, là thứ lớp giải thích; ba, là kết luận.

Thứ hai, là giải thích chương ba, thứ nhất là giải thích phiền não dư báo.

Nếu phân biệt tập và báo thì tập nhân là phiền não, báo nhân là nghiệp. Nay phân tập và báo khác nhau nên nói phiền não dư báo. Nhưng cảm báo là do nghiệp, phiền não chỉ có thể làm cho nghiệp này thêm lớn. Như trong Đại Luận nói thì chỉ có phiền não cũng có thể cảm báo.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là giải thích trừ nghiệp duyên.

Đây là nghiệp của phàm phu thông minh và Nhị thừa. Nói Tu-đà-hoàn có nghiệp bảy lần thọ sinh tức Tu-đà-hoàn tuy đã dứt trừ kiến hoặc nhưng còn suy nghĩ, nhuận sinh cõi trời, cõi người nên còn bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh xuống nhân gian, lên xuống hợp thành một vòng nên nói bảy, nếu chia ra thì thành mười bốn. Tư-đà-hàm có nghiệp hai lần thọ sinh, người Tư-đà-hàm chỉ còn một lần sinh lên cõi trời, một lần sinh xuống cõi người. Đây là chia nên nói hai, nếu hợp thì

chỉ là một. Có người hỏi:

- Vì sao đối với Sơ quả thì hợp lại để tính, còn quả thứ hai thì lại chia ra?

Đáp: Đó chỉ là hiển bày cho nhau mà thôi.

A-na-hàm có nghiệp thọ thân ở cõi Sắc, tức A-na-hàm đã dứt hết tư hoặc cõi Dục nhưng vẫn còn tư hoặc cõi Sắc. Nhưng A-na-hàm gồm năm hạng chỉ nêu ra hạng thượng lưu, hạng Thượng lưu có hai hạng:

1. Đến A-ca-ni-trá.
2. Đến Vô Sắc.

Cho nên kinh nói:

“Thích nói về nghĩa thì sinh lên cõi Tịnh cư; người thích thiên định thì sinh lên cõi Vô sắc”.

Nhưng sinh vào cõi A-ca-ni-trá thì đã trải qua khắp Tứ thiên, nếu ở Sơ thiên chưa được diệt thì sinh lên cõi Nhị thiên. Ở Nhị thiên chưa được diệt thì sinh vào Tam thiên. Ở Tam thiên chưa diệt lại sinh vào Tứ thiên mới diệt. Trong đó lại có ba là siêu, bán siêu và khắp mất. Sinh lên cõi Vô Sắc thì gọi là Vô sắc ban, v.v... nếu sinh lên Vô sắc thì chẳng còn sinh trở lại, cũng là sinh tức diệt, chẳng đồng với việc thọ sinh của Tứ thiên cho nên lược bỏ, chẳng nói “thọ nghiệp cõi Vô sắc” mà chỉ nói “thọ thân cõi sắc” vì chẳng sinh vào đó. Cũng là nói “hành hữu hành vô đồng sinh cõi Sắc”, cho nên cũng chẳng nói.

Kế là từ câu “Thế nào là hữu dư v.v...” trở xuống là thứ ba, giải thích trừ hữu dư ở trên.

Nói không có nghiệp, không còn kết sử mà chuyển hai quả. Trang Nghiêm nói: “A-la-hán chuyển thành Bồ-tát Lục địa, Bích-chi-Phật chuyển thành Bồ-tát Thất địa nên nói chuyển hai quả. Nay nói đó là nghĩa của Thông giáo, chẳng thể dùng để giải thích kinh này.

Khai Thiện cho rằng không có việc ấy. Nói chuyển tức vốn là A-la-hán độn căn chuyển thành lợi căn. Bích-chi-Phật cũng như thế, vì dư tập nên chuyển thành hai quả. Nay nói đó cũng là Nhị thừa chẳng phải ý của kinh này.

Hà Tây cho rằng câu trên nói hai quả đắc đạo và đắc hưởng tức chuyển A-la-hán đắc quả A-la-hán; Bích-chi-Phật cũng như thế. Văn kinh nói: “đắc và quả” thì đâu thể chẳng giải thích như thế. Nay nói cũng là nghĩa của Nhị thừa, chẳng phải là ý của kinh này.

Lại có người giải thích: Nhân phiền não đã hết, quả báo cũng dứt, mà nay chẳng diệt là vì dư thế trôi lăn nhưng nghiệp đã dứt chỉ còn hai quả này, đối với Bồ-tát là hoạn lụy cho nên nói là chuyển, chuyển tức

là xả. Đây cũng là nghĩa kia, chẳng liên quan đến kinh này.

Hưng Hoàng cho rằng chuyển hai quả nghĩa là quả Nhị thừa, thân còn nóng lạnh đói khát. Nay quả này đã dứt cho nên nói chuyển hai quả. Đây cũng là nghĩa của Tiểu thừa.

Nay nói quả này chẳng sinh, hễ diệt thì dứt, đâu cần do kinh mà chuyển? Đáp rằng quả của ba cõi tuy đã hết mà quả ngoài ba cõi mới sinh. Nói chuyển quả tức chuyển quả ngoài ba cõi. Nay lại nói rằng đó cũng là nghĩa của Biệt giáo chưa phải là ý của Viên giáo.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là giải thích chương bảy, cũng có nêu câu hỏi, giải thích và kết luận. Nêu hỏi như văn kinh ghi.

Thứ hai là giải thích, trong đó có phẩm Sư Tử Hống. nói: “Hoặc là một nghiệp, một tướng, hoặc là một nghiệp hai tướng, ba tướng”.

Trong đây nói một trăm phước thành một tướng, văn có hai đoạn:

1. Nói về nghiệp của tướng quý.
2. Nói nghiệp của vẻ đẹp.

Ngoại đạo kính thờ một vị thần, mỗi vị chỉ có một tướng. Phật thì tu tập tất cả các tướng vào một thân. Mười hai nhật tức mười hai chi: Tý, Sửu, Dần, v.v... Hà Tây cho rằng một năm có mười hai ngày tốt dùng để cúng tế và cầu phước. Nhưng tu tướng quý và vẻ đẹp cũng có ý nghĩa bốn Tất-đàn:

1. Thể của Pháp vương nên dùng tướng quý và vẻ đẹp để trang nghiêm thân, chư Phật đều như thế, đó là Thế giới Tất-đàn.

2. Khiến cho người thấy sinh tâm tín tâm, khởi hạnh thiện tức là Vị nhân Tất-đàn.

3. Một thân đầy đủ các vẻ đẹp, đối phá ngoại đạo là Đối trị Tất-đàn.

4. Vì sắc thanh tịnh nên Bát-nhã thanh tịnh, Bát-nhã thanh tịnh tức Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Văn nêu bốn dụ hoặc nêu y cứ theo đó để phối hợp.

Từ câu “Vì sao v.v...” là chương tám, có ba: hỏi, giải thích và kết luận. Thứ nhất như văn kinh có ghi.

Có người nói “Biết nhân duyên hòa hợp tức là Thế đế”.

Nghĩa trên chẳng đúng. Vì chẳng thấy tướng sắc là chi hành diệt; chẳng thấy duyên của sắc là vô minh diệt; chẳng thấy thể của sắc là thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ diệt; chẳng thấy sắc sinh tức các chi ái, thủ, hữu, sinh diệt; chẳng thấy sắc diệt tức lão tử diệt; chẳng thấy tướng một là chẳng thấy mười hai nhân duyên; chẳng thấy người thấy là chẳng thấy nhân duyên giả, chân tục đều bật, hai đế đều mất, cũng

chẳng thấy Trung đạo. Thông đạt rõ biết nhân duyên như thế, vì sao chỉ là Thế đế? Tất cả pháp cũng như thế.

“Vì sao v.v...” trở xuống là chương chín, vẫn có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết luận.

Nêu hỏi như văn kinh có ghi.

Kế là giải thích, có hai phần:

1. Lìa oán.

2. Phân biệt oán.

Thứ nhất, lìa bỏ phiền não là tự lìa oán.

Nói năm trụ tức là nói tha lìa oán.

Từ câu “Thế nào là oán v.v...” trở xuống là phân biệt nêu lên kể oán.

Hà Tây giải thích tám ma:

Bốn ác như phỉ báng kinh Phương đẳng v.v... là bốn ma, tức là ma sinh tử. Bốn ma như vô thường, vô ngã v.v... là ma Niết-bàn.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là chương mười cũng gồm hỏi, giải thích và kết luận. Thứ nhất, như văn kinh nói hai mươi lăm hữu và phiền não là hai bên tức là hai pháp nhân quả.

Nay nói thêm rằng phá ba hoặc trong hai mươi lăm hữu nên nói là xa lìa hai bên.

Hà Tây cho rằng nghiệp và phiền não là hai bên.

Nay nói thêm, nếu nói ba hoặc có ba thứ nghiệp mới hợp ý kinh này, vậy phải lấy hoặc nghiệp của giới nội làm hai bên, như thế thì hoàn toàn chẳng phải ý kinh này. Đã đạt được ý này thì như tất cả pháp hữu vô, thường đoạn, cấu tịnh, buộc mở, v.v... đều là hai bên.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là phần nói về nghĩa, vẫn gồm có hỏi và đáp. Ý hỏi nếu Bồ-tát tu tập mười công đức, vì sao Như Lai chẳng tu tịnh độ.

Phật đáp có bốn ý:

1. Nói ta nhờ tu mười việc, các bậc Thánh cũng như thế.

2. Từ câu “Ví như v.v...” trở xuống là quả trách câu hỏi.

Từ câu “Về phương Tây v.v...” trở xuống là , chỉ bày cõi Tịnh độ Vô Thắng.

4. Từ câu “Vì giáo hóa v.v...” trở xuống là nói vì giáo hóa chúng sinh nên xuất hiện ở cõi uest.

Từ câu “Lại nữa v.v...” là công đức thứ năm. Vẫn có ba đoạn: Hỏi, giải thích và kết luận.

Phần giải thích có hai là giải thích và nói về nghĩa.

Thứ nhất là phần giải thích. Xưa giải thích về năm việc có ba thuyết:

1. Dung Thành cho rằng chung cho hàng ngoại phàm và ba mươi tâm. Đã nói chẳng sinh biên địa và đầy đủ các căn. Đó là minh chứng.

2. Cho rằng đức này chẳng phải là cạn hẹp. Vì sao? Vì Bồ-tát Đẳng Địa trở lên đều nương vào sự để hiển lý. Nói các căn đầy đủ chẳng phải chỉ cho mắt tai v.v... mà chính là nêu các căn tín, tấn, v.v... xuất thế. Nói biên địa chẳng phải các vùng biên giới của cõi nước thế gian, không có Phật pháp, mà chính là nói lia hai bên đoạn thường. Nói các vị trời hộ niệm tức nói Phật là trời, nói bốn chúng cung kính tức là làm ruộng phước cho chúng sinh.

3. Khai Thiện cho rằng đây là nói Bồ-tát Đẳng Địa còn sinh vào cõi Dục nên gọi là các căn đầy đủ. Nếu nói theo vô lậu thì được quả báo Biến dịch, nhưng Bồ-tát này còn hữu lậu nên nay thọ sinh.

Tuy có năm việc này nhưng tâm không chấp đắm, chính là lấy không chấp đắm làm thể. Nay bình rằng ý của Khai Thiện hoàn toàn là nghĩa của Bồ-tát Tạng giáo. Nhà thứ nhất nói “chung cho Bồ-tát trước Thập địa” đó chỉ là nghĩa tâm ban đầu của Biệt giáo chẳng quan hệ gì đến kinh này. Nhà thứ hai nói Bồ-tát Đẳng địa thì đó là ý chứng đạo.

Nay y theo văn có hai là nói về công đức và nói về nghĩa. Nói về công đức thì nêu lên, giải thích và kết luận. Thứ nhất, như văn kinh có chép.

Giải thích: Bốn việc trước là báo quả, một việc sau là tập quả.

Kế là phần nói về nghĩa, trước là hỏi.

Kế là Đức Phật, trước khen câu hỏi, sau là chánh đáp.

Trong phần trả lời có hai đoạn: trước là nêu hơn kém.

Kế là từ câu “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là hiển bày tướng kém.

Đầu tiên là nêu năm chương, trong đó định là lạc, cao quý là ngã, thường tinh thì sẽ thấy, kỳ lạ là Trung đạo, vô lậu là chứng Trung đạo, lợi ích an vui là hoa sen.

Nói xa lia khát ái là giải thích về định, về lạc; dứt sinh tử chẳng nối nhau là giải thích thường; làm Bồ-tát là giải thích tịnh; dứt trừ sự nghèo thiếu pháp thiện là giải thích cao quý, giải thích ngã; quả vô phân biệt là giải thích dị, giải thích bất cộng, giải thích cả vô lậu, lợi ích chúng sinh.

Đức Phật nói năm việc này do Đại Niết-bàn mà được, có sự giải thích là chung cho ba mươi tâm ngoại phàm. Nên biết trước Thập địa

thì chẳng gọi là đắc; Đức Phật nói là vô lậu, còn Khai Thiện cho là hữu lậu, đã đối kháng ý Phật lại còn làm người sau lầm lẫn. Cho nên biết, chẳng thể hoàn toàn tin theo người giải thích, người học đời sau nên nương theo kinh.

Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh Đại-Niết-bàn mẫu nhiệm, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm.

Từ câu “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là nói về công đức thứ sáu. Xưa giải thích Tam-muội Kim cương. Nếu nói theo Thập địa thì đó là tâm sau cùng (chung tâm). Nếu nói theo ba nhãn thì đó là Thượng nhãn. Như thế lùi chẳng phải là Bồ-tát Đẳng giác; tiến thì chẳng phải Diệu giác, đó là Bồ-tát Kim cương tâm. Thuyết khác thì cho rằng đầy đủ giải tâm và hữu; một thuyết thì chỉ dùng nghĩa chiếu hữu, chẳng lấy giải không vì giải không chưa đủ. Trang Nghiêm cho rằng Kim cương tâm dứt hết hoặc, dẫn văn “Do bảy mặt trời cùng chiếu nên núi Càn-đà đều bị cháy hết”. Cho nên biết Đẳng giác đã dứt bỏ hết các hoặc.

Khai Thiện cho rằng Kim cương Tâm chỉ mới hàng phục vô minh, đến Diệu giác thì dứt một niệm hoặc nhẹ mỏng, liền thành Phật; dẫn kinh Thắng Man rằng: Trí Bồ-đề của Phật là năng đoạn, văn này nói hàng phục là dứt hết. Kim cương Tâm thì giải Hữu là tròn đầy, nhưng còn chưa đủ giải không, dẫn kinh Nhị Thập Nhị Ngộ và kinh Phu Nhân để minh chứng rộng nghĩa này.

Các sư Trung Quán cho rằng chẳng thể xét định giai vị ấy, nên ví như Bát-nhã, quán thông các Địa. Vả lại, Thập địa thì quá cao, vậy công đức thứ năm thì thuộc Địa nào? Chẳng nên phán định quá xa cách, chỉ nên tương ứng với Tam-muội mà chẳng cần phân biệt cao thấp. Xưa lại cho Thập địa được một trăm Tam-muội rồi mới được định Thủ-lăng-nghiêm, mới nhập Tam-muội Kim cương, trên thì chưa đến Phật, dưới thì chẳng phải hàng Hạ địa, chỉ ở bậc đã cùng học mà thôi. Nghĩa này cũng chẳng đúng. Môn Tam-muội này cũng có Thông và Biệt, Biệt thì y cứ theo bậc cùng học, Thông thì suốt khắp các Địa, cũng chung cho Tự đạo, đâu khác gì Kim cương Bát-nhã thông từ Sơ địa đến Thập địa. Bát-nhã đã là Thông thì Tam-muội chẳng lẽ lại là Biệt ư? Vì sao? Vì toàn thể cứng chắc như Kim cương, toàn thể an định như Tam-muội, thể bén nhạy như Bát-nhã. Cho nên kinh nói: “Tam-muội Kim cương có ba tên”. Văn sau cũng ghi: “Phật tánh có năm tên gọi”. Nếu nói chung tâm có dứt và không dứt thì hai nhà đối nhau. Vì duyên làm lợi ích nên nói có dứt và không dứt, theo thật lý thì chẳng dứt, chẳng phải chẳng dứt.

Nay cho rằng Trang nghiêm dẫn “núi Càn-đà đều cháy” chỉ là

Thiên, vì sao? Vì hễ khi bầy mặt trời đều hiện, thì chẳng những đốt cháy núi Càn-đà mà tất cả đều bị cháy rụi cả, nay lại chẳng lấy nghĩa tất cả đều cháy rụi làm dụ, mà chỉ lấy việc cỏ cây cháy còn lại núi để làm dụ. Đó chẳng phải dụ chung cho tâm của Thập địa dứt hoặc. Chỉ lấy bầy mặt trời lúc mới mọc, trước chiếu trên núi Càn-đà, khiến cỏ cây đều bị cháy, để nói Tam-muội này là công đức của Sơ địa. Vì mới dứt hoặc cho nên lấy việc đốt cháy cỏ cây làm dụ. Văn có nêu lên, giải thích và kết luận, thứ nhất là giải thích, có ba đoạn: 1) Nói lược về Tam-muội; 2) Giải thích rộng Tam-muội; 3) Giải thích tên. Phần nói lược có hai là nói về tự đức và nói về hóa tha. Văn nói về tự đức lại có hai: 1) Năng đoạn; 2) Nêu điều sai.

“Đều phá tan hết” tức là năng đoạn, “thấy tất cả pháp” là nêu lên sai lầm.

Từ câu: “Bồ-tát trụ v.v...” trở xuống là nói về hóa tha.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói rộng Tam-muội, văn có hai: Trước nói về tự hành, sau nói rộng về hóa tha. Nói về tự hành có ba phần: 1/ Năng đoạn; 2/ Năng kiến; 3/ Nói lại về năng đoạn. Năng đoạn có tám dụ:

1) Dụ về năng đoạn.

Thứ bảy là dụ khen ngợi.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói rộng về năng kiến. Đầu tiên, một là dụ về năng kiến.

Kế là ba dụ khen ngợi.

Từ câu: “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là thứ ba, lặp lại năng đoạn; cũng có ba dụ, thứ nhất là dụ về năng đoạn.

Kế là hai dụ về quên công lao.

Từ câu: “Nếu Bồ-tát v.v...” trở xuống là thứ hai, nói rộng về hóa tha, có bốn đoạn:

1. Nói biến thân như Phật.

2. Trở về bản xứ.

3. Dứt hoặc cho người.

4. Tam mật thị hiện: Thị hiện lại có bốn:

1. Nói về khẩu mật.

2. Thân mật.

3. Lặp lại khẩu mật. Trước thì nói dùng một âm mà sự thích hợp lại khác, nay nói một pháp mà sự thích hợp lại khác.

4. Từ câu: “Bồ-tát v.v...” trở xuống là ý mật.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là đoạn ba, giải thích danh, có

ba dụ:

1. Nói bất định, ví dụ cho vô tướng.
2. Chẳng thể định giá, dụ cho vô danh.
3. Nói lìa khổ, độc, dụ cho vô úy. Kết luận, như
văn kinh có ghi.
